

# KHAI THÁC LỄ HỘI DÂN GIAN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

NGUYỄN TRỌNG NHÂN\*

## 1. Khái niệm lễ hội dân gian

Lễ hội là một trong những bộ phận cấu thành nên nền văn hóa của một quốc gia, dân tộc. Nó được xem là hiện tượng văn hóa tổng hợp, quy tụ mọi sinh hoạt văn hóa vật chất, tinh thần đã được sàng lọc, duy trì và liên tục được bổ sung theo thời gian. Mục đích chính của lễ hội là nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng, vật chất của con người. Thuật ngữ lễ hội bao gồm hai nội dung: Lễ là các hành vi (cúng, vái, lạy, tụng, niệm, cầu khẩn, rước, v.v) đã được cộng đồng quy ước theo một quy cách chặt chẽ nhằm thể hiện lòng tin, sự tôn kính của con người đối với đấng mà họ sùng bái. Hội là một hay một số trò chơi dân gian mang tính chất vui chơi giải trí. Bởi vậy dân gian có câu: “*Vui xem hát, nhạ xem bơi, tả toi xem hội*”. Như vậy, lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa mang tính tổng hợp các yếu tố tinh thần và vật chất, tôn giáo tín ngưỡng và văn hóa nghệ thuật, linh thiêng và đời thường trong mối quan hệ giữa con người với thần linh, con người với con người và con người với tự nhiên.

Là một bộ phận của nền văn hóa dân gian được sáng tạo và bảo tồn, lưu truyền lâu đời trong lòng xã hội từ xưa đến nay. Lễ hội dân gian là loại hình sinh hoạt văn hóa - xã hội mang tính tổng hợp các yếu tố tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán, văn học nghệ thuật, thể giới quan, nhân sinh quan, v.v, của cộng đồng dân cư ở một địa bàn cụ thể trong một thời gian nhất định. Theo Trương Thìn (2007), lễ hội mới chỉ xuất hiện khi loài người đã sống trong một xã hội có tổ chức cao (xã hội văn minh nông nghiệp), tức là lễ hội chỉ xuất hiện khi con người đã có tư duy trừu tượng.

Từ lâu lễ hội dân gian đã trở thành nhu cầu, khát vọng của nhân dân vì ở đó con người có thể tìm lại sự hồn nhiên, những cảm xúc chân thực và sự đồng cảm.

---

\* ThS. Trường Đại học Cần Thơ.

## **2. Nguyên nhân hình thành và ý nghĩa của lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long**

*Thứ nhất, phương thức canh tác nông nghiệp là tác nhân quan trọng thúc đẩy việc hình thành lễ hội dân gian.* Nếu căn cứ vào thời điểm ra đời của lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long thì lực lượng sản xuất còn ở trình độ thấp. Các hoạt động sản xuất của con người, đặc biệt là trồng lúa nước còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thiên nhiên. Nhưng ước vọng mưa thuận gió hòa, cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu luôn tồn tại và đã trở thành nhu cầu ở mỗi con người từ xa xưa. Một trong những phương cách có thể giúp thỏa mãn nhu cầu đó ít ra về mặt tinh thần là dựa vào thần thánh. Các hoạt động cúng kiến, cầu xin thần thánh phù hộ, bảo trợ mùa màng được tiến hành với quy mô lớn, dần đã trở thành lễ hội. Trong lễ hội nông nghiệp, người dân thường thờ chung một vị thần nào đó nên thể hiện được tính đoàn kết cộng đồng và sức mạnh dân tộc.

*Thứ hai, lễ hội dân gian còn được hình thành trên cơ sở truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”.* Cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cư dân Việt nói chung từ lâu đã có quan niệm “nhớ ơn” ông bà tổ tiên, cha mẹ; người có công đánh giặc bảo vệ Tổ quốc, người chữa bệnh cứu người, người có công khai phá vùng đất mới, v.v, cho đến thần linh thậm chí cá voi. Hàng năm, người dân tổ chức các buổi lễ để cúng kiến người quá cố, cá voi, thần linh nhằm tưởng nhớ và bày tỏ lòng tri ân. Lễ hội còn là dịp giúp con người trở về với nguồn cội, là hình thức giáo dục cho các thế hệ sau biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu của dân tộc; là dịp con người được giải bày phiền muộn, lo âu với tổ tiên, người quá cố và thần linh, đồng thời mong họ giúp đỡ, che chở để vượt qua những khó khăn, vất vả trong cuộc sống.

*Thứ ba, lễ hội xuất phát từ nhu cầu vui chơi giải trí của các tầng lớp nhân dân.* Vui chơi giải trí là nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của con người đặc biệt là nhân dân lao động. Sau thời gian lao động vất vả, mệt nhọc con người có nhu cầu vui chơi để giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi trong đời sống thường nhật nhằm cân bằng thể chất và tinh thần, “tái tạo sức lao động” và làm việc đạt hiệu quả.

### **3. Một số lễ hội dân gian tiêu biểu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**

#### **3.1. Lễ hội Bà Chúa Xứ**

Lễ hội Bà Chúa Xứ hay lễ Vía Bà Chúa Xứ được tổ chức từ ngày 23 đến ngày 27 tháng 4 âm lịch hàng năm tại miếu Bà Chúa Xứ dưới chân triền đông núi Sam thuộc làng Vĩnh Tế, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Lễ hội thu hút đông đảo người đến từ các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhiều tỉnh miền Đông Nam Bộ và miền Trung nhằm cúng bái, cầu xin sức khỏe, làm ăn phát đạt.

Về nguồn gốc tượng Bà Chúa Xứ, hiện nay có một số quan điểm như sau: năm 1941, sau khi nghiên cứu tượng Bà Chúa Xứ, căn cứ vào hình dáng và chất liệu, nhà khảo cổ học người Pháp Malleret đã xác định rằng đây pho tượng thần Vishnu được tạo vào khoảng cuối thế kỷ thứ 6 đầu thế kỷ thứ 7 sau Công nguyên, có thể chủ nhân của tượng là người Phù Nam (Sơn Nam, 2005; Huỳnh Quốc Thắng, 2003). Vì tượng là một trong những vị thần của đạo Bà La Môn khác với đạo Phật nên người Khmer không tôn thờ. Đây là tượng thần đàn ông, nếu là nữ thần ắt bộ ngực phải to, theo mô thức tạo hình Ấn Độ. Tượng được đưa vào miếu, tô điểm lại, cho mặc áo, đeo trang sức, xem là tượng Bà (Sơn Nam, 2004). Người Việt từ xưa đã có tục thờ Bà, chẳng hạn như: Tây Vương mẫu, Cửu Thiên huyền nữ, Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Ngọc hoặc Liễu Hạnh công chúa. Nhưng tượng ở đây được lấy tên Bà Chúa Xứ có thể xuất phát từ truyền thuyết: khi dân chúng phát hiện tượng Bà trên đỉnh núi Sam định khiêng về làng lập miếu thờ nhưng không khiêng nổi, lúc đó có một thiếu nữ lên đồng, tự xưng là Bà Chúa Xứ và mách cho dân làng cách khiêng tượng Bà xuống núi bằng nhiều cô gái đồng trinh!

Nhiều người Kinh quan niệm Bà Chúa Xứ là một dạng của Phật Bà Quan Âm; đối với người Hoa họ quan niệm Bà là hóa thân của bà Thiên Hậu (Sơn Nam, 2005) nên họ rất kính cẩn. Hai câu liễn đối treo ở miếu Bà có nội dung thể hiện sự linh thiêng và uy lực của Bà trong việc “*ban phúc giáng họa*” cho con người: “*Xin thì được, ban cho thì linh thiêng, báo trong giấc mộng. Người Xiêm sợ hãi, người Hoa kính mộ, ý tứ khôn lường*”. Ngày 25 tháng 4 được xem là ngày chính lễ vì theo dân gian đây là ngày địa phương phát hiện tượng Bà hoặc là ngày an vị tượng Bà sau khi Bà được khiêng từ trên núi xuống; cũng có thể đây là thời điểm lúc đồng ruộng đã xuống giống nên người dân tại làng tổ chức lễ nhằm tạ ơn và cầu mong Bà cùng trời đất, thần thánh giúp mưa thuận gió hòa, đất nước thái bình, mùa màng tốt tươi, dân Khang vật thịnh (Huỳnh Quốc Thắng, 2003). Các nghi lễ chính trong lễ hội Bà gồm có: lễ Tắm Bà, lễ Thịnh sắc Thoại Ngọc Hầu, lễ Túc yên, lễ Xây chầu, lễ Chánh tế và lễ Hồi sắc. Nội dung chủ yếu của các phần lễ là tắm rửa, thay siêm y cho Bà; cúng Bà, Thoại Ngọc Hầu và các vị nhu nhân của Thoại Ngọc Hầu; cầu xin mưa thuận gió hòa, đất đai tốt tươi, mùa màng bội thu, dân chúng khỏe mạnh, yên vui, các loài quýt dữ bị tiêu diệt, v.v.

### 3.2. Lễ Chôl Chnăm Thmây

Lễ Chôl Chnăm Thmây<sup>1</sup> lễ Chịu tuổi được tổ chức vào khoảng giữa tháng 4 dương lịch hàng năm. Đối với người Khmer lễ này có ý nghĩa rất quan trọng vì nó được xem là ngày mở đầu cho năm mới, mở đầu thời vụ mới, ngày hạnh phúc, tươi vui nhất; đồng thời cũng là dịp để giáo dục con người về tấm lòng hiếu thảo, biết ơn đối với ông bà, cha mẹ và những người có công đã qua đời, về ý thức hướng thiện. Lễ này thường được tổ chức trong 3 ngày. Ngày thứ nhất, đồng bào Khmer chọn một giờ tốt (thường vào lúc 7 giờ sáng, 5 giờ chiều tùy theo năm) để tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo đẹp, mang lễ vật, nhang đèn vào chùa làm lễ rước lịch Maha Sangkran (gọi là đại lịch, do các vị đại đức thông khoa thiên văn soạn dùng cho một năm). Một vị Acha<sup>2</sup> điều khiển mọi người đứng xếp hàng rồi đi quanh chính điện, vừa đi vừa tụng kinh mừng năm mới. Ban đêm, những người lớn tuổi tụ họp trong giảng đường nghe sư thuyết pháp, còn thanh niên nam nữ thì tham gia các trò chơi dân gian, hát dù kê, rô băm, múa lăm thôn, v.v, tại sân chùa. Ngày thứ hai, người ta dâng cơm cúng dường các nhà sư vào buổi sáng; các sư tụng kinh cầu phúc cho những người đã đem lễ cúng dường. Vào buổi chiều, người ta tiến hành lễ đắp núi cát nhằm ngăn trở ma quỷ và những điều xấu, đồng thời nhắc nhở mọi người nên tích phúc để ngày một cao lớn như núi và lan dần khắp bốn phương, tám hướng. Ngày thứ ba, đồng bào Khmer tiến hành lễ tắm Phật, tắm các vị sư cao niên, các ngôi tháp dựng hài cốt, v.v. Đây là một nghi lễ rất quan trọng đối với đồng bào Khmer vì họ tin tưởng rằng sẽ được Phật tha thứ cho những lỗi lầm thiếu sót trong năm cũ, đồng thời ban nhiều sức khỏe, ý nguyện đạt thành, xóm làng yên ổn, tai qua nạn khỏi, v.v, trong năm mới. Chôl Chnăm Thmây là lễ hội văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc Khmer, góp phần làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

### 3.3. Lễ Sen Dolta và hội Đua bò Bảy Núi

Lễ Sen Dolta hay là lễ Cúng ông bà, được tổ chức từ ngày 29 tháng 8 đến ngày 1 tháng 9 âm lịch hàng năm (nếu tháng thiếu ngày 30 thì lễ kéo dài đến ngày 2 tháng 9). Từ xa xưa, người Khmer cho rằng sau khi con người chết đi phần xác mất nhưng phần hồn vẫn còn tồn tại mãi mãi. Xuất phát từ đó, hình thức Sen (cúng) không thể thiếu trong đời sống tâm linh của đồng bào với mục đích tưởng nhớ công ơn tổ tiên, cha mẹ và

<sup>1</sup> Đây là dịp tết của người Khmer giống như tết Nguyên Đán của người Kinh. Lễ này kéo dài từ ngày 14 đến ngày 16 hoặc ngày 13 đến ngày 15 tháng 4 dương lịch hàng năm.

<sup>2</sup> Người dẫn chương trình trong buổi lễ.

đồng thời cầu nguyện những người đã khuất ban phước lành cho gia đình, phum, sóc. Lễ Sen Dolta được tổ chức tại nhà và tại chùa trong 3 ngày. Ngày thứ nhất, người dân cúng ông bà quá cố; tiếp theo họ đến thăm hỏi và tặng quà cho ông bà, cha mẹ còn sống, đồng thời mang theo lễ vật để cúng tổ tiên. Sau phần nghi thức này, cả gia đình cùng ăn cơm. Ngày thứ hai, đồng bào thức dậy sớm để chuẩn bị các thứ cần thiết đi chùa làm lễ phchumbinh (góp lễ vật). Trong thời gian lễ đồng bào được nghe các vị sư tụng kinh chúc phúc, được nghe thuyết pháp với những nội dung mang tính giáo dục khuyên bảo mọi người làm điều lành, răn đe để tránh làm điều xấu. Ngày thứ ba, đồng bào Khmer tổ chức cúng ở nhà để đưa ông bà, tổ tiên về nơi cũ vì theo quan niệm của người dân, mỗi năm vào dịp Sen Dolta ông bà, tổ tiên về chung vui cùng con cháu và khi xong cũng phải về. Để chuẩn bị phương tiện cho ông bà về được an toàn, người dân làm bè bằng thân và bẹ cây chuối, trên đó có để đồ cúng rồi thả xuống sông, rạch. Hình thức này phù hợp với đặc điểm địa lý sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long vì vào lễ Sen Dolta nước dâng cao đi đường bộ khó khăn (thuở xưa). Những ngày lễ Sen Dolta, tại các chùa Khmer còn tổ chức nhiều hoạt động biểu diễn các loại hình nghệ thuật như: hòa nhạc ngũ âm, hát dù kê, múa Ramvong, v.v.

Một trong những hoạt động vui chơi giải trí hấp dẫn dịp lễ Sen Dolta là hội Đua bò Bảy Núi. Đây được xem là hoạt động thể thao đầy ý nghĩa gắn liền với đời sống canh nông của người Khmer. Tương truyền, hàng năm vào mùa gieo cấy, trai tráng trong vùng mang bò về cày bừa đất cho nhà chùa để phụ nữ trồng lúa. Dịp này, các trai tráng rủ nhau đua trong tình trạng bò còn đang mang cày, mang bừa nhằm tạo không khí vui tươi trong lao động. Sau những cuộc đua, nhà chùa thưởng cho các đôi bò thắng cuộc. Tập tục đó dần phát triển thành hội Đua bò. Hội Đua bò diễn ra hàng năm ở hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên của tỉnh An Giang. Hội này đã có từ rất lâu nhưng đến những năm 1991 - 1992 đã được nâng lên thành ngày hội truyền thống được tổ chức hàng năm với quy mô ngày càng mở rộng ở An Giang. Để tham gia vòng đấu chung kết các cặp bò phải trải qua những cuộc thi đấu vòng loại với những cặp bò trong xã và xã khác. Cuộc đua bò được thực hiện trên mảnh đất ruộng nước xâm xấp có phân đường đua. Đến lượt đua, mỗi đôi bò đi rảo hai vòng quanh trường đua để “khoe tướng” và “khởi động” gọi là vòng hô. Hết vòng hô, ngang vạch xuất phát thấy người phát cờ là vào vòng thả ăn thua. Dựa vào cự ly về đích trước hoặc đội xuất phát sau đạp lên được bừa của đội xuất phát trước để phân định thắng thua. Với những giá trị văn hóa truyền thống và sức hấp dẫn vốn có của nó, hội Đua bò Bảy Núi đã được

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch An Giang chọn làm điểm nhấn trong tour du lịch mùa nước nổi ở tỉnh.

### **3.4. Lễ Ok Om Bok và hội Đua ghe ngo**

Lễ Ok Om Bok hay là lễ Cúng trăng của người Khmer được tổ chức vào ngày 14 và 15 tháng 10 âm lịch hàng năm<sup>3</sup>. Mục đích chính của lễ này là nhằm tạ ơn thần mặt trăng trong năm đã đem lại mưa thuận gió hòa, bảo vệ mùa màng, giúp mùa màng bội thu cho mọi nhà và đồng thời cầu xin thần mặt trăng phù hộ cho bà con trúng mùa trong năm tới. Lễ này được tổ chức tại sân chùa, sân nhà hoặc một khu đất trống nào đó để người ta dễ dàng quan sát mặt trăng. Lễ vật cúng trăng là cơm dẹp, dứa tươi, chuối, khoai lang, khoai môn, bánh kẹo, v.v, đặt trên cái bàn cúng dưới công làm bằng tre. Khi trăng lên đỉnh đầu, bà con Khmer cử một người lớn tuổi, đức độ, có uy tín đại diện cúng trăng. Vị chủ lễ khấn vái nói lên lòng biết ơn của bà con đối với thần mặt trăng, xin thần mặt trăng tiếp nhận những lễ vật do bà con dâng cúng và cầu xin thần mặt trăng ban cho mọi người sức khỏe dồi dào, cho mưa thuận gió hòa, cho năm mới trúng mùa, cuộc sống được no đủ, hạnh phúc. Cúng trăng xong, vị chủ lễ bảo trẻ em xếp thành hàng dọc, hai tay chắp lại hướng về phía mặt trăng. Sau đó vị chủ lễ lấy thức cúng mỗi thứ một ít đút vào miệng trẻ em. Lúc đó, người chủ lễ mới đấm nhẹ vào lưng mỗi đứa trẻ ba cái và hỏi các em năm nay muốn gì. Theo quan niệm từ xưa, việc làm này để đoán định tương lai của đứa bé và cũng tượng trưng cho việc mọi người đã nhận được lộc của thần mặt trăng. Xong thủ tục này, mọi người cùng nhau ăn uống, múa hát vui chơi đến tận khuya.

Hội Đua ghe ngo gắn liền với lễ Ok Om Bok. Hội này diễn ra vào buổi sáng ngày 15 tháng 10 âm lịch. Ghe ngo theo tiếng Khmer là “Tuk ngo”, một loại thuyền độc mộc được khoét từ thân cây gỗ tốt (sao, vên vên, v.v). Ghe có chiều dài khoảng 25 đến 30 m, chiều ngang khoảng 1,2 m. Sức chứa của mỗi ghe khoảng 45 - 50 tay đua. Đối với người Khmer, ghe ngo không phải là một loại ghe thường mà là một vật linh thiêng. Ghe ngo chính là biểu tượng sức mạnh của người Khmer, nên đua ghe ngo nhằm thể hiện sức mạnh và sự dẻo dai của dân tộc trong việc chinh phục thiên nhiên và chống lại kẻ thù. Ghe ngo được bảo quản tại chùa và mỗi năm chỉ đưa xuống nước một lần trong ngày lễ Ok Om Bok. Trước khi hạ thủy, người ta thường làm lễ tạ thần, thắp hương cúng vái và sau đó chọn người điều khiển, người lái, quân dầm bơi và tổ chức chiêu đãi

---

<sup>3</sup> Theo quan niệm của đồng bào Khmer đây là ngày cuối cùng một chu kỳ của mặt trăng xoay quanh trái đất và cũng là thời điểm hết thời vụ của năm.

những người tham gia cuộc thi. Đội quân bơi đều là những thanh niên trai tráng khỏe mạnh, có kinh nghiệm trong thi đấu, biết phối hợp động tác chặt chẽ. Trước ngày hội, người ta tiến hành tập dượt công phu, trước tiên là bơi trên bờ, sau đó bơi dưới nước. Người được chọn ngồi mũi để chỉ huy phải là người có uy tín đối với bà con và có kinh nghiệm đua ghe ngo. Cuộc đua ghe ngo diễn ra rất quyết liệt nhưng không phải vì giá trị tiền thưởng mà vì danh dự và niềm vinh quang của phum, sóc.

#### **4. Hiện trạng khai thác lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển du lịch**

Cùng với các di tích lịch sử văn hóa, vùng đồng bằng sông Cửu Long có nhiều hoạt động lễ hội trong năm. Căn cứ vào nội dung hoạt động có thể chia lễ hội ở Vùng thành các loại: lễ hội lịch sử, lễ hội tôn giáo - tín ngưỡng và lễ hội dân gian. Các lễ hội đặc sắc nhất Vùng tập trung ở các tỉnh An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh và Kiên Giang. Trong số các lễ hội ở Vùng, lễ hội dân gian đóng vai trò rất quan trọng và có khả năng khai thác phục vụ phát triển du lịch. Tuy nhiên, hiện tại chỉ có lễ hội Bà Chúa Xứ, hội Đua ghe ngo, hội Đua bò Bảy núi là có sự tham gia đông đảo khách du lịch hàng năm. Ước tính hàng năm các lễ hội này có khoảng 2,5 triệu người tham dự. Theo sự đánh giá của Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2010), trong thời gian gần đây khách du lịch lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh, chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng cơ cấu khách du lịch.

Hiện tại, hoạt động du lịch lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long diễn ra một cách tự phát nên khâu tổ chức, quản lý và thống kê du lịch còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn. Đây là tình trạng phổ biến đối với nhiều loại hình du lịch khác ở Việt Nam khi mà địa bàn hoạt động du lịch không nằm hẳn trong một điểm, một tỉnh cụ thể. Nói chung, công tác thống kê về du lịch của Việt Nam hiện nay chưa tốt, chỉ mới dừng lại ở việc thống kê du lịch chung trên cơ sở từng điểm, tỉnh, vùng, cả nước chứ chưa phân ra được theo từng loại hình du lịch cụ thể. Chính điều này ảnh hưởng rất lớn đến công tác nghiên cứu nhằm phản ánh xu thế phát triển và thiếu cơ sở cho việc nhận định tình hình và dự báo tương lai.

Đối tượng tham gia chính của loại hình du lịch lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long là những người lớn tuổi, những người có nghề buôn bán, kinh doanh, những sinh viên, nông dân. Họ tham gia lễ hội để cầu may, cầu phúc, cầu lộc, vui chơi giải trí, tìm hiểu. Phương tiện di chuyển chủ yếu là ô tô, vỏ máy, xe máy thuê hoặc của cá nhân. Khách có nhu cầu cao trong việc mua sắm hàng lưu niệm để tặng người thân và bạn bè. Hình thức tổ chức du lịch chủ yếu theo dạng nhóm thông qua

việc mua tour của công ty du lịch hoặc tự tổ chức. Số khách đi theo dạng cá nhân rất ít. Do thời gian diễn ra lễ hội tương đối ngắn nên số người lưu trú qua đêm chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Điều này làm cho hiệu quả khai thác các lễ hội chưa cao.

Các lễ hội Bà Chúa Xứ, hội Đua ghe ngo, hội Đua bò Bảy núi thực sự có khả năng phát triển mạnh, trở thành các điểm hấp dẫn thu hút khách, rất có tiềm năng không chỉ với thị trường khách nội địa mà còn cả khách quốc tế (Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, 2010). Hiện nay, hạn chế rất lớn đối với du lịch lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long là tình trạng khai thác chưa có đầu tư gì đáng kể cho công tác nghiên cứu cũng như đầu tư tài chính để xây dựng phát triển loại hình du lịch này.

## **5. Đánh giá về phát triển du lịch lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long**

### **5.1. Những điểm mạnh**

Qua quá trình nghiên cứu có thể nhận định một số điểm mạnh đối với du lịch lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long như sau: Các lễ hội còn giữ được nguyên vẹn giá trị truyền thống; mỗi lễ hội đều có những nét văn hóa đặc sắc riêng; lễ hội diễn ra ở các mùa trong năm; địa bàn diễn ra lễ hội tiếp cận khá dễ dàng; người dân nơi tổ chức lễ hội thân thiện, mến khách, v.v.

### **5.2. Những điểm yếu**

Du lịch lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long còn có những hạn chế như sau: đội ngũ lao động du lịch còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng; tình trạng mất trật tự, các tệ nạn xã hội trong lễ hội; khâu quản lý, điều tiết lượng khách đến lễ hội còn hạn chế gây ách tắc giao thông; giá cả hàng hóa và dịch vụ tăng cao vào mùa lễ hội; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mùa lễ hội còn hạn chế; ý thức của người đi lễ hội và cả người dân địa phương đối với vấn đề an ninh trật tự và bảo vệ môi trường chưa tốt; lễ hội chưa được “ché biên” thành sản phẩm du lịch thực sự; công tác thống kê, cung cấp các thông tin du lịch liên quan đến lễ hội còn kém; hàng lưu niệm ở nơi diễn ra lễ hội chưa đa dạng và đặc sắc; tinh thần thi đấu trò chơi trong lễ hội còn quá nặng chuyện ăn thua làm mất không khí vui tươi, trong sáng, thiêng liêng của buổi hội, v.v.

### **5.3. Những cơ hội**

Việc phát triển du lịch lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long có những cơ hội như sau: khách du lịch quốc tế và nội địa đến vùng vì mục đích lễ hội không ngừng gia tăng; Nhà nước ta có những chủ

trương, chính sách và tạo điều kiện để hoạt động lễ hội diễn ra thuận lợi; sự phát triển ngày càng nhanh chóng của cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; lễ hội được xác định là sản phẩm du lịch đặc trưng trong “*Đề án Phát triển du lịch Vùng đến năm 2020*”; sự ra đời của Hiệp hội Du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ là tác nhân thúc đẩy sự phát triển du lịch của Vùng nói chung và du lịch lễ hội nói riêng, v.v.

#### **5.4. Những thách thức**

Du lịch lễ hội dân gian cũng như các loại hình du lịch khác ở vùng đồng bằng sông Cửu Long bên cạnh những cơ hội còn có những thách thức tiềm ẩn: tình trạng ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu; bị cạnh tranh và thay thế bởi các sản phẩm du lịch đặc trưng khác ở Vùng: du lịch sinh thái, du lịch tìm hiểu văn hóa, du lịch tham quan miệt vườn, sông nước, du lịch cộng đồng, du lịch tham quan di tích lịch sử, cách mạng, du lịch thương mại, công vụ; bị cạnh tranh bởi các nước trong tiểu vùng Mekong; sự tác động của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, v.v.

### **6. Định hướng phát triển du lịch lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020**

#### **6.1. Định hướng về thị trường khách**

##### **6.1.1. Định hướng về các thị trường khách du lịch quốc tế**

Theo Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2010), dựa trên những giá trị về lễ hội dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long, yếu tố tâm lý và sở thích đối với một số thị trường khách du lịch quốc tế, có thể khai thác loại hình du lịch lễ hội để phục vụ một số thị trường khách tiêu biểu như: thị trường khách Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, Mỹ, Úc và New Zealand. Các thị trường này có đặc điểm chung là hàng năm đến Việt Nam nói chung, đồng bằng sông Cửu Long nói riêng với số lượng nhiều; khả năng chi trả cao; đòi hỏi các dịch vụ và tiện nghi chất lượng; rất quan tâm đến vấn đề an toàn và bảo vệ môi trường.

##### **6.1.2. Định hướng về thị trường khách du lịch nội địa**

Khách du lịch nội địa đến vùng đồng bằng sông Cửu Long rất đa dạng về độ tuổi, thành phần xã hội và nghề nghiệp với các hình thức tổ chức du lịch khác nhau (gia đình tự tổ chức, mua tour từ công ty du lịch và tự tổ chức theo kiểu nhóm bạn bè). Căn cứ vào những đặc điểm về tâm lý, nhu cầu, sở thích, khả năng chi tiêu, hình thức tổ chức, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2010) đã xác định các thành phần khách cần được ưu tiên khai thác như sau:

*Thứ nhất*, những khách thuộc lứa tuổi về hưu đối với nữ và gần về hưu đối với nam (trên 55 tuổi).

*Thứ hai*, khách có thu nhập và trình độ văn hóa ở dạng trung bình.

*Thứ ba*, những khách độc thân, đi du lịch theo tour, nhóm thuộc tầng lớp buôn bán và làm nghề thủ công.

### **6.2. Định hướng đầu tư phát triển du lịch lễ hội dân gian**

Trong “*Đề án phát triển du lịch đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020*”, một trong những vấn đề cần được ưu tiên đầu tư phát triển được Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (2010) đưa ra là: “*Đầu tư phục hồi, phát triển các lễ hội nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của lễ hội*”.

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020, ở vùng đồng bằng sông Cửu Long có tất cả 23 dự án được ưu tiên đầu tư với tổng kinh phí dự kiến là 1.758,9 triệu USD và được chia làm hai giai đoạn thực hiện. Trong đó, dự kiến kinh phí đầu tư cho lễ Sen Dolta và hội Đua bò là 10 triệu USD thực hiện giai đoạn 2011 – 2015; lễ Ok Om Bok với hội Đua ghe ngo cũng có nguồn kinh phí đầu tư và thời gian thực hiện tương tự (Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, 2010).

### **7. Một số kiến nghị về khai thác lễ hội dân gian nhằm phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long**

- Một trong những nhân tố góp phần tạo nên sự thành công trong hoạt động kinh doanh du lịch là yếu tố con người. Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, nguồn nhân lực du lịch hiện còn “mỏng” về số lượng và chất lượng cũng còn thấp. Yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay cho Vùng là cần đào tạo đội ngũ lao động theo hướng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, đồng thời bổ sung thêm nhân sự cho ngành. Cần chú ý tuyên dụng và đào tạo đội ngũ lao động du lịch tại các điểm du lịch nói chung, các điểm du lịch gắn với lễ hội nói riêng những người địa phương nhằm tạo công ăn việc làm cho họ và đảm bảo công tác thuyết minh, hướng dẫn cho du khách được tốt hơn.

- Phải tiếp tục xây dựng, mở rộng mạng lưới đường giao thông để tiện cho việc tiếp cận điểm đến của du khách và việc tổ chức lễ hội được tiện lợi. Vào mùa lễ hội nên khai thác nhà ở của dân để phục vụ nhu cầu lưu trú của khách, nhưng phải đảm bảo an toàn và vệ sinh. Cho du khách có cơ hội tiếp cận để tìm hiểu văn hóa, lối sống của người dân đồng thời được thưởng thức các món ăn dân tộc.

- Cần xây dựng mô hình du lịch cộng đồng người Khmer nhằm kết hợp khai thác văn hóa dân tộc với lễ hội dân gian hiệu quả hơn. Trong thời gian diễn ra lễ hội, ở phần trò chơi dân gian có thể cho du khách cùng tham gia nhằm tạo sự phấn khởi và để lại kỷ niệm về chuyến đi trong lòng du khách.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ để bảo vệ, tuần tra nhằm đảm bảo an toàn và an ninh cho du khách, đồng thời kiểm soát các hoạt động có khuynh hướng mê tín dị đoan trong dịp diễn ra lễ hội. Tiến hành phân luồng giao thông để tránh tình trạng ùn tắc giao thông, tai nạn có thể xảy ra vào những ngày chính lễ. Thanh tra, kiểm tra để tránh tình trạng tăng giá vào mùa lễ hội.

- Xây dựng băng đĩa ghi lại nội dung về hoạt động lễ hội nhằm quảng bá và giới thiệu đến du khách; trên các hàng lưu niệm cần khắc tên địa điểm diễn ra lễ hội và lấy biểu tượng, hình ảnh liên quan đến lễ hội làm dấu tích.

- Giới thiệu thời gian, địa điểm diễn ra lễ hội trên các phương tiện thông tin đại chúng, các sách hướng dẫn, tờ rơi, tờ bướm, v.v, để du khách có thể tham gia lễ hội được dễ dàng, tiện lợi. Cần tiến hành thống kê hoạt động du lịch lễ hội dân gian Vùng.

- Giáo dục người dân ý thức trong việc bảo vệ môi trường, đồng thời trang bị các dụng cụ chứa đựng rác và nhắc nhở du khách giữ gìn vệ sinh môi trường nơi diễn ra lễ hội.

Tóm lại, lễ hội dân gian được coi là “bảo tàng sống” chứa đựng các giá trị văn hóa - lịch sử phong phú của từng dân tộc, đã trở thành một nhu cầu sinh hoạt văn hóa không thể thiếu trong đời sống của đồng bào các dân tộc. Lễ hội dân gian chính là kho tàng di sản văn hóa vô giá nên cần được giữ gìn và phát triển.

---

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đinh Thị Vân Chi (2004), *Nhu cầu của du khách trong quá trình du lịch*, Nxb. Văn hóa - Thông tin.
2. Hồ Hoàng Hoa (1998), *Lễ hội một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng*, Nxb. Khoa học Kỹ thuật.
3. Sơn Nam (2004), *Đình miếu và lễ hội dân gian Miền Nam*, Nxb. Trẻ.
4. Sơn Nam (2005), *Đồng bằng sông Cửu Long – Nét sinh hoạt xưa và Văn minh miệt vườn*, Nxb. Trẻ.
5. Dương Văn Sáu (2004), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, Nxb. Đại học Văn hóa Hà Nội.
6. Trương Thìn (2007), *101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục Việt Nam*, Nxb. Hà Nội.
7. Vương Tuyên (2009), *Lễ hội dân gian Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc.
8. Huỳnh Quốc Thắng (2003), *Lễ hội dân gian ở Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa Thông tin.
9. Tổng cục Du lịch (2010), *Đề án Phát triển du lịch đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020*, Viện Nghiên cứu và Phát triển Du lịch thiết kế.

